HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH PHÚ YÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2016/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 6/3/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP, ngày 29/03/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT, ngày 15/5/2013 của liên Bộ Tài chính-Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP, ngày 29/3/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC, ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC, ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC, ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 179/2015/TT-BTC, ngày 13/11/2015 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC, ngày 02/01/2014;

Sau khi xem xét Tờ trình số 73/TTr-UBND, ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí:

1.1. Các đối tượng sau chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Hộ gia đình;
- Cơ quan nhà nước;

- Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc đơn vị vũ trang nhân dân);

- Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;

- Cơ sở: rửa ôtô, rửa xe máy, sửa chữa ôtô, sửa chữa xe máy;

- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo; nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;

- Các đối tượng không thuộc các đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

1.2. Các đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, gồm:

+ Các xã thuộc biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa) và hải đảo;

+ Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I,II,III,IV và V theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP, ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị.

- Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT, ngày 15/5/2013.

1.3. Đối tượng nộp phí:

Người nộp phí là tổ chức, cá nhân, đơn vị, hộ gia đình có nước thải ra môi trường được quy định tại điểm 1.1 ở trên.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thoát nước, đã nộp phí thoát nước thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã tiếp nhận và thải ra môi trường.

2. Cơ quan thu lệ phí:

UBND xã, phường, thị trấn: Thu phí đối với người nộp phí là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước dưới đất hoặc nước mặt để sử dụng.

Các đơn vị cung cấp nước sạch: Thu phí đối với người nộp phí là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ sử dụng nước của tổ chức cung cấp nước sạch.

3. Mức thu phí:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 300 đ/m^3 (Số lượng nước sạch sử dụng được xác định theo đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ của người nộp phí).

- Trường hợp tự khai thác nước thì số lượng nước sạch sử dụng được xác định căn cứ vào số người theo sổ hộ khẩu gia đình tính trung bình 3 m^3/người/tháng (đối với hộ gia đình) hoặc bảng chấm công, bảng lương, hợp đồng lao động (đối với tổ chức không sản xuất, chế biến).

- Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước sử dụng thì số lượng nước sạch sử dụng được xác định căn cứ vào quy mô hoạt động kinh doanh,

dịch vụ do cơ sở tự kê khai và thẩm định của UBND xã, phường, thị trấn.

4. Quản lý và sử dụng phí:

- Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có nghĩa vụ nộp đủ, đúng hạn số tiền phí cho đơn vị cung cấp nước sạch theo hoá đơn bán hàng. Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch có nghĩa vụ nộp 90% (chín mươi phần trăm) số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đã thu vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ 10% (mười phần trăm) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí.

- Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng, nộp 100% vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 25/2004/NQ-HĐND, ngày 16/7/2004 của HĐND tỉnh về việc triển khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt